

DANH SÁCH CÔNG NHẬN ĐIỂM THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 3 /QĐ-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND huyện năm 2024)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
A		MÃM NON														
	I	Trường Mầm non 1 xã Tân Thành (01)														
01	005	Nông Thị Kim Chi			09/08/1997	Nùng	X. Hữu Liên, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	55,00	5,00	60,00	
02	010	Đinh Thị Đào			06/07/1995	Tày	X. Hòa Bìnhh, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	74,30	5,00	79,30	
03	013	Dương Thị Hằng			27/11/2003	Tày	X. Long Đống, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	87,80	5,00	92,80	
04	014	Trần Thị Mỹ Hạnh			10/12/1999	Kinh	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	77,50		77,50	
05	022	Hồ Ngọc Huyền			09/11/2003	Nùng	X. Đồng Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	46,10	5,00	51,10	
06	034	Nguyễn Thị Quỳnh			20/06/1995	Kinh	TT Chi Lăng, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành				Bỏ thi
07	035	Đỗ Thanh Thúy			11/04/1995	Kinh	X. Tân Thành, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	98,50		98,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
08	036	Vũ Thu Thủy			15/07/2000	Kinh	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	TB	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	2,00		2,00	
09	038	Ngô Thị Tiên			01/10/1994	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	42,00	5,00	47,00	
10	040	Vy Thị Thảo Vân			15/07/2002	Tày	X. Hữu Liên, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	39,00	5,00	44,00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Trình độ	Chuyên ngành							
11	030	Nông Thùy Nguyệt		19/01/2000	Tày	X. Quan Sơn, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	77,50	5,00	82,50	
	II	Trường Mầm non 2 xã Vân Nham (01 MN)													
01	001	Nguyễn Nữ Kiều Anh		19/12/1992	Kinh	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	CQ	XS	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	49,50		49,50	
02	003	Lăng Thị Bình		16/01/1992	Nùng	X. Minh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	98,00	5,00	103,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
03	007	Nông Thị Dịu		17/01/2002	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	53,50	5,00	58,50	
04	009	Vy Thị Đông		03/02/1998	Tày	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	58,50	5,00	63,50	
05	020	Triệu Thu Hường		16/11/1994	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	90,00	5,00	95,00	
06	017	Lao Thị Hòa		15/10/1997	Tày	X. Vũ Lễ, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	37,75	5,00	42,75	
07	021	Hà Thị Kim Hường		06/10/2003	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	76,25	5,00	81,25	
08	006	Triệu Thị Dịu		16/01/2000	Nùng	X. Thanh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	83,50	5,00	88,50	
09	016	Nguyễn Thị Hiền		04/10/1996	Kinh	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	70,80		70,80	
10	027	Vy Thị Mến		13/12/1992	Nùng	X. Quyết Thắng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	73,50	5,00	78,50	
11	029	Chu Thị Kiều My		05/12/1995	Tày	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	G	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	45,75	5,00	50,75	
12	025	Lý Ngọc Lệ		28/12/2000	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	41,75	5,00	46,75	Vi phạm nội quy (Cảnh cáo trừ 50% điểm)
13	037	Lê Thị Thủy		11/06/1990	Tày	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	91,00	5,00	96,00	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
14	033	Hoàng Thị	Phấn		08/08/1989	Nùng	X. Hòa Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	35,25	5,00	40,25	
	III	Trường Mầm non xã Hoà Sơn (01MN)														
01	002	Phạm Lan	Anh		05/11/2000	Nùng	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	26,62	5,00	31,62	Vi phạm nội quy (khiển trách trừ 25%)
02	004	Hoàng Thị	Châu		20/05/2003	Tày	X. Long Đồng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	58,50	5,00	63,50	
03	008	Nông Thị Thùy	Dung		19/09/1994	Nùng	TT Chi Lăng, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành				Bỏ thi
04	011	Nông Thị Thùy	Duyên		29/10/1997	Nùng	TT Đồng Mô, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	88,50	5,00	93,50	
05	012	Vương Thị Ngọc	Hà		29/04/1997	Tày	X. Châu Sơn, H. Đình Lập, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành				Bỏ thi
06	015	Tô Thị	Hạnh		10/10/1990	Nùng	X. Hoàng Văn Thụ, H. Bình Gia, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	G	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	45,40	5,00	50,40	
07	018	Đặng Thị Ánh	Hồng		25/08/2002	Nùng	X. Hòa Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	87,25	5,00	92,25	
08	019	Hoàng Thu	Huế		20/11/2002	Tày	X. Bằng Mạc, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	52,75	5,00	57,75	
09	023	Lèo Thị Thu	Huyền		08/10/2002	Tày	X. Hữu Liên, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	40,50	5,00	45,50	
10	024	Lương Thị	Lanh		10/06/1994	Kinh	TT Chi Lăng, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn				Bỏ thi
11	026	Bế Khánh	Linh		08/09/1998	Nùng	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	77,25	5,00	82,25	
12	028	Lê Thị	Mến		12/11/1985	Kinh	X. Bắc Quỳnh,, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	XS	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	85,00	5,00	90,00	
13	031	Hoàng Thị	Nhung		03/01/1993	Tày	X. Vũ Sơn, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	CQ	TB	2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
14	032	Lương Minh	Oanh		25/08/2001	Kinh	X. Hòa Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	26,50		26,50	
16	039	Vi Thị Tuyết	Tuyết		20/07/1996	Tày	X. Đồng Tiến, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	98,00	5,00	103,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
17	041	Vũ Thị	Xuân		14/09/1984	Kinh	X. Minh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	40,00		40,00	
18	042	Trần Thị Hoàng	Yến		26/01/1986	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	54,50	5,00	59,50	
	IV	Mầm non xã Đồng Tiến (01 Kế toán)														
01	155	Vi Thị	Huế		20/08/1992	Tày	Đại Đồng Tiên, Tiên Du, Bắc Ninh	Cao đẳng	Kế toán	CQ	G	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
02	157	Nông Thị Tuyết	Mai		23/05/1987	Tày	X. Đồng Tiến, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Tài chính	TX	K	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên	63,00	5,00	68,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
03	160	Vũ Thị	Thom		05/07/1990	Kinh	X. Đồng Sơn, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Kế toán	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
04	161	Vũ Huyền	Trang		14/01/1989	Kinh	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	VKVL	K	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên	42,00		42,00	
05	153	Trần Thu	Hà		20/06/1990	Kinh	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Kế toán	CQ	K	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
06	151	Chu Thi	Bạch		01/05/1991	Nùng	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	CQ	TB	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
B		TIỂU HỌC														
	I	Trường Tiểu học 1 xã Hoà Thắng 02 (01 Tin, 01 TA)														
01	097	Trương Quốc	Hào	26/10/1984		Nùng	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Tin học (Tiểu học)	CQ	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng 2. Trường Tiểu học xã Hồ Sơn	27,00	5,00	32,00	
02	099	Hoàng Thị	Lành		20/04/2002	Tày	X. Vạn Linh, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Tin học (Tiểu học)	CQ	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng 2. Trường PTDTBT TH 2 xã Thiện Tân				Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
01	100	Nguyễn Thị Ly		02/08/1990	Kinh	TT. Cao Thượng, H. Tân Yên, T. Bắc Giang	Đại học	CNTT (Tiểu học)	CQ	K	1. Trường PTDTBT TH 2 xã Thiện Tân 2. Trường Tiểu học 1 xã Minh Sơn	12,00		12,00	
	V	Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 02 (01 VH; 01 TA)													
01	046	Đàm Thị Ngọc Bích		30/01/2002	Cao Lạn	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 2.. Trường TH và THCS xã Minh Tiến	75,00	5,00	80,00	
02	073	Triệu Thị Thanh Lan		04/08/1997	Dao	X. Tri Phương, H. Trảng Định, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành				Bỏ thi
03	077	Đỗ Minh Nguyệt		05/07/1996	Kinh	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 2. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	84,00		84,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	092	Nông Thị Tường Vi		05/01/1998	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham				Bỏ thi
05	106	Lý Thanh Hiếu		14/11/1994	Dao	X. Liên Minh, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (Tiểu học)	CQ	TB	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham. 2. Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng	38,00	5,00	43,00	
	VI	Trường Tiểu học xã Hoà Lạc 01 VH													
01	047	Nguyễn Đình Cư		12/08/1993	Tày	X. Bình Văn, H. Chợ Mới, T. Bắc Kạn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Lạc 2. Trường Tiểu học xã Minh Hòa	42,50	5,00	47,50	
02	079	Nông Thị Trà Như		05/01/2002	Tày	X. Hữu Lễ, H. Văn Quan, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	G	1. Trường Tiểu học xã Hòa Lạc. 2. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn	47,00	5,00	52,00	
03	060	Nguyễn Văn Hiền	27/02/1989		Kinh	X. Yên Thịnh, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Lạc 2. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn	43,50		43,50	
04	086	Nguyễn Phương Thảo		14/04/1997	Tày	X. Nhân Lý, H. Chi Lăng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Lạc 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành				Bỏ thi
	VII	Trường Tiểu học xã Hoà Sơn 04 (02 VH; 01 AM; 01 TA)													
01	049	Hoàng Bích Diệp		17/05/1996	Tày	X. Bắc Quỳnh, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn 2. Trường Tiểu học xã Minh Hòa	86,30	5,00	91,30	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	050	Dương Thị Dịu		13/07/1994	Tày	X. Nhất Tiến, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn 2. Trường Tiểu học xã Minh Hòa	73,40	5,00	78,40	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Trình độ	Chuyên ngành							
01	116	Phan Thị Hà		16/08/1992	Tày	X. Dân Tiến, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	K	1. Trường PT DT BT THCS 1 xã Thiện Tân	83,00	5,00	88,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	115	Hoàng Thị Duyên		13/03/1994	Nùng	X. Quyết Thắng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	K	1. Trường PT DT BT THCS 1 xã Thiện Tân 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	54,30	5,00	59,30	
03	117	Mông Thị Hằng		19/06/1991	Nùng	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	G	1. Trường PT DT BT THCS 1 xã Thiện Tân 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	72,50	5,00	77,50	Dự kiến Trúng tuyển Nguyên vọng 2
04	120	Trần Thị Nguyệt		16/12/1990	Kinh	X. Dân Tiến, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Sư phạm Địa lý	VHVL	G	1. Trường PT DT BT THCS 1 xã Thiện Tân 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	64,00		64,00	
05	121	Lường Văn Sánh	20/07/1993		Tày	X. Tân Tri, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	K	1. Trường PT DT BT THCS 1 xã Thiện Tân				Bỏ thi
	II	Trường PTDTBT THCS 2 xã Thiện Tân 01 Hóa học													
01	131	Phan Thị Ngọc Ánh		12/03/1993	Kinh	X. Hồ Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Hóa	CQ	K	1. Trường PTDTBT THCS 2 xã Thiện Tân	56,00		56,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	132	Vương Văn Hậu	25/11/1992		Tày	X. Tân Thành, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Hóa	CQ	K	1. Trường PTDTBT THCS 2 xã Thiện Tân				Bỏ thi
	III	Trường THCS xã Cai Kinh 02 (01 Toán; 01 Tin)													
01	138	Nguyễn Thị Thu Hà		20/04/1996	SD	X. Phi Điền, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	TB	1. Trường THCS xã Cai Kinh				Bỏ thi
02	139	Nguyễn Thành Hiếu	08/10/1993		Kinh	X. Hồ Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	TB	1. Trường THCS xã Cai Kinh 2. Trường THCS xã Minh Sơn				Bỏ thi
03	146	Giáp Chí Thanh	21/11/2002		Kinh	X., Ngọc Thiện, H. Tân Yên, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Cai Kinh 2. Trường TH và THCS xã Vân Nham	65,00		65,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	104	Hoàng Minh Quang	28/09/1988		Kinh	X. Cai Kinh, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tin	CQ	TB	1. Trường THCS xã Cai Kinh 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	50,50		50,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	IV	Trường THCS xã Hoà Lạc 02 (Địa lý, Tin học)													
01	114	Hoàng Minh Ánh		18/11/1997	Nùng	X. Minh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	TB	1. Trường THCS xã Hòa Lạc 3, Trường TTHC T2 xã Thiện Tân	22,50	5,00	27,50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Trình độ	Chuyên ngành							
02	118	Hoàng Thị Hạnh		05/01/1991	Nùng	X. Dương Đức, H. Lạng Giang, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	k	1. Trường THCS xã Hòa Lạc 2. Trường PTDT BT THCS 1 xã Thiện Tân	28,50	5,00	33,50	
03	119	Dương Thị Huyền		13/06/1992	Tày	X. Chiến Thắng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Ths	Sư phạm Địa lý	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Lạc	47,30	5,00	52,30	
04	122	Đàm Kim Vân		09/12/1994	Nùng	X. Hòa Lạc, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	TB	1. Trường THCS xã Hòa Lạc 2. Trường PTDT BT THCS 1 xã Thiện Tân	30,00	5,00	35,00	
05	123	Dương Thị Việt		21/02/1991	Tày	X. Bắc Quỳnh, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Ths	Sư phạm Địa lý	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Lạc 2. Trường PTDT BT THCS 1 xã Thiện Tân				Bỏ thi
	V	Trường THCS xã Hoà Sơn 02 (01 TA; 01 Toán)													
01	136	Nguyễn Thị Mai Anh		22/04/1995	Kinh	TT Nền, H. Việt Yên, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Sơn 2. Trường TH và THCS xã Vân Nham				Bỏ thi
02	140	Chu Thị Loan		20/07/1994	Táy	X. Tân Đoàn, H. Văn Quan, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Toán - Lý	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Sơn	50,00	5,00	55,00	
03	142	Dương Đình Nghĩa	26/11/1991		Tày	X. Bắc Quỳnh,, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	SP Toán - Lý	CQ	TB	1. Trường THCS xã Hòa Sơn 2. Trường THCS xã Minh Sơn	38,50	5,00	43,50	
04	145	Lâm Văn Tản	24/02/1993		Nùng	X. Sơn Hải, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Sơn 2. Trường THCS xã Cai Kinh	50,80	5,00	55,80	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
05	148	Hoàng Diệu Thùy		18/12/1993	Tày	X. Tân Tri, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Toàn	CQ	K	1. Trường THCS xã Hòa Sơn	12,30	5,00	17,30	
	VI	Trường THCS xã Minh Sơn 01 Toán													
01	150	Trần Thị Ánh Tuyết		30/08/2002	Kinh	TT. Kép, H. Lạng Giang, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Minh Sơn 2. Trường THCS xã Hòa Sơn	53,30		53,30	
02	147	Nguyễn Thị Thảo		08/10/1997	Kinh	X. Ninh Sơn, H. Việt Yên, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Minh Sơn 2. Trường TH và THCS xã Vân Nham				Bỏ thi
03	137	Hoàng Trọng Duẩn		02/08/1991	Kinh	X. Đồng Việt, H. Yên Dũng, T. Bắc Giang	Ths	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Minh Sơn 2. Trường THCS xã Cai Kinh	84,30		84,30	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	141	Chu Kim Mai		09/02/1994	Kinh	X.Sơn Hà, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường THCS xã Minh Sơn	79,00		79,00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
	VII	Trường THCS xã Yên Thịnh 01 Tiếng anh													
01	113	Nguyễn Thị Thu Trang		07/11/1994	Kinh	Văn Tự, Thường Tín, TP Hà Nội	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	VHVL	K	1. Trường THCS xã Yên Thịnh 2. Trường TH và THCS xã Yên Sơn	88,50		88,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	D	TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ													
	I	Trường TH và THCS xã Vân Nham													
01	143	Nguyễn Thị Quế		16/04/1989	Tày	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Toán	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Vân Nham	79,00	5,00	84,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	149	Hoàng Thị Tích		06/11/1994	Nùng	X. An Lạc, H. Sơn Động, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Vân Nham 2. Trường THCS xã Cai Kinh				Bỏ thi
03	144	Dương Lê Quỳnh		23/12/2002	Kinh	X. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên, T. Thái Nguyên	Đại học	Sư phạm Toán	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Vân Nham 2. Trường THCS xã Minh Sơn	36,00		36,00	
	II	Trường TH và THCS xã Đồng Tiến (02 VH, 01 Tin tiểu học, 01 Sinh)													
01	052	Lê Thị Hương Giang		03/11/2002	Tày	X. Đồng Tiến, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành	36,10	5,00	41,10	
02	057	Lý Thị Hạnh		06/02/2002	Kinh	X. Hương Vĩ, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến 2. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham				Bỏ thi
03	096	Nguyễn Thị Yển		21/01/2001	Nùng	X. Đồng Tiến, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	68,50	5,00	73,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	067	Dương Thị Huệ		15/05/1991	Kinh	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến 2. Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn	74,00		74,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
05	068	Triệu Thị Huệ		20/02/1999	Nùng	X. Hồng Thái, H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến 2. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham	40,50	5,00	45,50	
06	071	Nông Văn Huy	07/01/1986		Tày	X. Phương Giao, H. Võ Nhại, T. Thái Nguyên	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	11,00	5,00	16,00	
07	133	Sầm Hoài Giang		16/08/1995	Nùng	X. Thanh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Sinh Học	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	47,50	5,00	52,50	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
08	134	Nguyễn Thị Lam		03/09/1994	Tây	X. Chiến Thắng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Sinh Học	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến				Bỏ thi
09	135	Ninh Thị Như Quỳnh		22/12/1992	Kinh	TT Phồn Xương, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Sinh Học	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	57,00		57,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	III	Trường TH và THCS xã Hòa Thắng													
01	093	Trần Đức Việt	03/05/1997		Tây	X. Thần Xa, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng	16,00	5,00	21,00	
02	045	Trần Gia Bảo	15/10/1995		Tây	X. Thần Xa, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng				Bỏ thi
03	058	Nông Thanh Hậu		04/07/2002	Tây	X. Đại Đồng, H. Trảng Định, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	G	1. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng 2.. Trường TH và THCS xã Minh Tiến	75,50	5,00	80,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	059	Ngọc Trung Hiến	20/08/1994		Kinh	X. Đồng Vương, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	G	1. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng 2. Trường TH và THCS xã Minh Tiến	46,80		46,80	
	IV	Trường TH và THCS xã Minh Tiến (01 tiểu học, 01 tin)													
01	083	Long Thị Nờ		21/12/1993	Nùng	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng	85,50	5,00	90,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	095	Triệu Thị Xuân		21/03/1989	Nùng	X. Thiện Long, H. Bình Gia, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham	58,50	5,00	63,50	
03	056	Trần Thị Hằng		16/04/2000	Cao Lạn	X. Dân Tiến, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	62,30	5,00	67,30	
04	103	Nguyễn Thị Mai		30/11/2002	Kinh	X. Bắc Lũng, H. Lục Nam, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Tin (THCS)	CQ	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	99,50		99,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
05	102	La Thị Hương		18/01/1992	Tây	X. Xuân Lương, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	SP Toán - Tin	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	79,80	5,00	84,80	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 2
	V	Trường TH và THCS xã Thanh Sơn (01 TA, 01 ngữ văn)													
01	111	Đàm Thị Thanh Hương		29/05/1994	Nùng	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn 2. Trường THCS xã Yên Thịnh	52,50	5,00	57,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1

STT	SBD	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
02	124	Nguyễn Thị	Chuyên		30/07/1991	Kinh	X. Đào Viên, H. Quế Võ, T. Bắc Ninh	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn				Bỏ thi
03	125	Hoàng Thùy	Dung		26/03/1992	Tày	X. Hòa Thắng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn	59,00	5,00	64,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	126	Hoàng Thị	Giang		12/06/1994	Nùng	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư Phạm Văn	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn	32,00	5,00	37,00	
05	127	Phạm Thu	Huyền		25/10/1995	Tày	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn				Bỏ thi
06	128	Nguyễn Thị Thu	Huyền		30/09/1989	Nùng	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn				Bỏ thi
07	129	Tô Kim	Thủy		12/06/1993	Tày	X. Gia Cát, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn				Bỏ thi
08	130	Dương Cẩm	Vân		10/07/2002	Kinh	TT Phồn Xương, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn	57,50		57,50	
	VI	Trường TH và THCS xã Yên Sơn (02 TA)														
01	105	Dương Thị	Ánh		17/12/1997	Tày	X. Long Đồng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (Tiểu học)	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Yên Sơn	40,00	5,00	45,00	
	VII	Trường THCS xã Hữu Liên 02 (01 Tiếng Anh, Kế toán)														
01	109	Hoàng Thị Kim	Dung		03/09/1992	Kinh	X. Tây Sơn, H. Kiến Xương, T. Thái Bình	Đại học	Ngôn Ngữ Anh (THCS)	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
02	110	Nguyễn Thị	Đôi		12/12/1991	Tày	X. Đồng Ý, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
03	112	Hoàng Thị	Sen		27/03/1992	Nùng	X. Thiện Hòa, H. Bình Gia, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên 2. Trường THCS xã Yên Thịnh	85,50	5,00	90,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	162	Nguyễn Huy	Trường		31/01/1987	Kinh	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên 2. Trường Mầm non xã Đồng Tiến				Bỏ thi
05	163	Nguyễn Quang	Trung	26/09/1996		Kinh	P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán Tài Chính	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên 2. Trường Mầm non xã Đồng Tiến	13,00		13,00	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
06	159	Hoàng Thúy Na		23/10/1999	Tày	X. Thống Nhất, H. Lộc Bình, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán Tài Chính	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên 2. Trường Mầm non xã Đồng Tiến	28,00	5,00	33,00	
07	152	Dương Thị Giang		01/02/1993	Tày	X. Bắc Quỳnh, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Kinh tế	CQ	K	1. Trường Tiểu học THCS xã Hữu Liên	15,00	5,00	20,00	
08	156	Đặng Thùy Linh		04/05/1992	Hoa	TT Hữu Lũng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Cử nhân Kế toán	CQ	TB	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên	31,50	5,00	36,50	
09	154	Hoàng Thị Thu Hiền		13/08/1996	Kinh	X. Hữu Liên, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi
10	158	Trần Thị Minh		28/10/1994	Nùng	X. Chiên Thắng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Kế toán	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên				Bỏ thi

127

39

Danh sách này có 166 thí sinh./.

0

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 3 /QĐ-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND huyện năm 2024)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
A		MẦM NON													
	I	Trường Mầm non 1 xã Tân Thành (01)													
07	035	Đỗ Thanh Thúy		11/04/1995	Kinh	X. Tân Thành, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Mầm non	VHVL	K	1. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành 2. Trường Mầm non xã Hòa Sơn	98,50		98,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	II	Trường Mầm non 2 xã Vân Nham (01 MN)													
02	003	Lăng Thị Bình		16/01/1992	Nùng	X. Minh Sơn, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	K	1. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham 2. Trường Mầm non 1 xã Tân Thành	98,00	5,00	103,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	III	Trường Mầm non xã Hoà Sơn (01MN)													
16	039	Vi Thị Tuyết Tuyết		20/07/1996	Tày	X. Đồng Tiến, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	CQ	G	1. Trường Mầm non xã Hòa Sơn 2. Trường Mầm non 2 xã Vân Nham	98,00	5,00	103,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	IV	Mầm non xã Đồng Tiến (01 Kế toán)													
02	157	Nông Thị Tuyết Mai		23/05/1987	Tày	X. Đồng Tiến, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Tài chính	TX	K	1. Trường Mầm non xã Đồng Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hữu Liên	63,00	5,00	68,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
B		TIỂU HỌC													
	I	Trường Tiểu học 1 xã Hoà Thắng 02 (01 Tin, 01 TA)													
03	108	Phạm Hiền Linh		09/10/2002	Kinh	X. Hương Sơn, H. Lạng Giang, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (Tiểu học)	CQ	G	1. Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành	62,00		62,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
	II	Trường Tiểu học 1 xã Minh Sơn 01 Tin													
01	101	Nguyễn Thị Nguyên		03/10/1984	Kinh	X. Sơn Hà, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tin (Tiểu học)	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Minh Sơn	79,00		79,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	III	Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn 03 VH													
02	044	Nguyễn Thị Thanh Ba		26/01/1994	Tày	X. Đông Xá, H. Na Rì, T. Bắc Kạn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành	87,50	5,00	92,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
08	084	Nguyễn Thị Hồng Phúc		08/09/2001	Kinh	X. Ngọc Vân, H. Yên Thế, T. Bắc Giang	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành	89,00		89,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
09	087	Lý Thị Trung Thu		18/03/1994	Dao	X. Dân Tiến, H. Võ Nhai, T. Thái Nguyên	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn 2. Trường Tiểu học Tân Thành	67,00	5,00	72,00	Dự kiến Trúng tuyển Nguyên vọng 2
10	089	Trần Thu Trang		02/09/2000	Tày	X. Đồng Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	K	1. Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn 2. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn	91,80	5,00	96,80	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	V	Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 02 (01 VH; 01 TA)													
03	077	Đỗ Minh Nguyệt		05/07/1996	Kinh	X. Vân Nham, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học 1 xã Vân Nham 2. Trường TH và THCS xã Đồng Tiến	84,00		84,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	VII	Trường Tiểu học xã Hoà Sơn 04 (02 VH; 01 AM; 01 TA)													
01	049	Hoàng Bích Diệp		17/05/1996	Tày	X. Bắc Quỳnh, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn 2. Trường Tiểu học xã Minh Hòa	86,30	5,00	91,30	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
02	050	Dương Thị Dịu		13/07/1994	Tày	X. Nhất Tiến, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn 2. Trường Tiểu học xã Minh Hòa	73,40	5,00	78,40	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
08	164	Đồng Thị Huệ		15/06/1991	Tày	X. Chiến Thắng, H. Bắc Sơn, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	CQ	K	1. Trường Tiểu học xã Hòa Sơn	59,50	5,00	64,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	IX	Trường Tiểu học xã Minh Hoà 01 VH													
03	080	Nguyễn Thị Như		01/03/2002	Kinh	X. Hương Sơn, H. Lạng Giang, T. Bắc Giang	Đại học	Giáo dục Tiểu học	CQ	G	1. Trường Tiểu học xã Minh Hòa 2. Trường Tiểu học xã Tân Thành	82,50		82,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ		Hình thức đào tạo	Xếp loại TN	Đơn vị đăng ký/Nguyên vọng	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Trình độ	Chuyên ngành							
01	083	Long Thị Nở		21/12/1993	Nùng	X. Thiện Tân, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Giáo dục Tiểu học	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường TH và THCS xã Hòa Thắng	85,50	5,00	90,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
04	103	Nguyễn Thị Mai		30/11/2002	Kinh	X. Bắc Lũng, H. Lục Nam, T. Bắc Giang	Đại học	Sư phạm Tin (THCS)	CQ	G	1. Trường TH và THCS xã Minh Tiến 2. Trường THCS xã Hòa Lạc	99,50		99,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	V	Trường TH và THCS xã Thanh Sơn (01 TA, 01 ngữ văn)													
01	111	Đàm Thị Thanh Hương		29/05/1994	Nùng	X. Yên Bình, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	VHVL	G	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn 2. Trường THCS xã Yên Thịnh	52,50	5,00	57,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
03	125	Hoàng Thùy Dung		26/03/1992	Tày	X. Hòa Thắng, H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Văn	CQ	K	1. Trường TH và THCS xã Thanh Sơn	59,00	5,00	64,00	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1
	VII	Trường THCS xã Hữu Liên 02 (01 Tiếng Anh, Kế toán)													
03	112	Hoàng Thị Sen		27/03/1992	Nùng	X. Thiện Hòa, H. Bình Gia, T. Lạng Sơn	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh (THCS)	VHVL	K	1. Trường TH và THCS xã Hữu Liên 2. Trường THCS xã Yên Thịnh	85,50	5,00	90,50	Dự kiến Trúng tuyển nguyện vọng 1

37

0

Danh sách này có 37 thí sinh./.

0